

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST

Ngày: 13 – 4 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Vĩnh
2. Bà Hoàng Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Chang – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 10, 11, 12 và 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Điều Thị Thu S, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 2, ấp D, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (có mặt)

Trú tại: Tổ 2, ấp 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Bà Hoàng Thị Phương L, sinh năm 1982 (được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không có lý do).

Trú tại: Tổ 1, ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ông Điều Hàng Phong V, sinh năm 1982 (có đơn yêu cầu vắng mặt);

Trú tại: Tổ 2, ấp D, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2022 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Điều Thị Thu S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 19/9/2021 do quen biết nên bà Điều Thị Thu S có cho bà Hoàng Thị Phương L vay số tiền 798.000.000 đồng để làm ăn. Khi vay các bên thỏa thuận miệng mức lãi suất 2%/tháng. Hẹn 01 tháng sau bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà S số tiền vay gốc và lãi. Tuy nhiên, đến hạn bà L không thanh toán cho bà S mà đến ngày 19/10/2021 sau khi bàn bạc bà L đã cản trở (chuyển cổ phần góp vốn đất) cho bà S với số tiền 165.000.000 đồng; sau đó bà L thanh toán thêm số tiền 9.000.000 đồng tiền mặt và còn nợ lại số tiền 624.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bà L hoàn trả cho bà S số tiền vay gốc còn lại là 624.000.000 đồng và lãi suất với mức 01%/tháng, thời gian từ ngày 19/10/2021 đến ngày khởi kiện là 56.160.000 đồng.

Tại biên bản đối chất ngày 12/12/2022, bà S trình bày: Ngày 17/9/2021 bà L vay bà S 400.000.000 đồng; ngày 24/9/2021 bà L vay tiếp số tiền 500.000.000 đồng, tổng cộng là 900.000.000 đồng; cả 02 lần vay đều giao tiền trực tiếp tại nhà. Ngày 29/9/2021 bà L chuyển khoản cho bà S 165.000.000 đồng nên bà S và bà L viết giấy gộp 02 khoản tiền vay còn lại là 798.000.000 đồng. Trong đó 735.000.000 đồng tiền vay gốc và 63.000.000 đồng tiền lãi. Thời điểm lập giấy vay tiền là ngày 19/10/2021 nhưng ghi nhầm ngày 19/9/2021. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định số tiền bà S cho bà L vay là tài sản chung của bà Điều Thị Thu S và ông Điều Hàng Phong V. Việc bà L vay tiền bà S chồng bà L không biết; bà L vay để làm ăn riêng nên yêu cầu bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà S và ông V. Quá trình giải quyết đại diện nguyên đơn yêu cầu không hòa giải.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Phương L trình bày:*

Thông nhất với bà S và đại diện của bà S trình bày là bà vay tiền của bà S 02 lần với tổng số tiền là 900.000.000 đồng. Sau đó ngày 29/9/2021 bà chuyển khoản cho bà S số tiền 165.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Ngày 19/10/2021 (thống nhất như nguyên đơn không phải ngày 19/9/2021 như trong giấy ghi, do nhầm) bà cùng bà S viết giấy nợ số tiền còn lại và lãi là 798.000.000 đồng. Bà L xác định đã chuyển trả cho bà S 04 lần, cụ thể như sau: Chuyển khoản lần 1 vào ngày 29/9/2021 số tiền 165.000.000 đồng; lần 02: ngày 07/10/2021 đưa tiền mặt số tiền 15.000.000 đồng (không có ai làm chứng); lần 03: Ngày 19/10/2021 cản trở cổ phần đất số tiền 165.000.000 đồng; lần 04: Ngày 16/4/2022 chuyển khoản 9.000.000 đồng. Vậy đến nay bà L còn nợ bà S số tiền 444.000.000 đồng chứ không phải 624.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu; bà L đồng ý thanh toán số tiền vay trên và lãi 1% như nguyên đơn yêu cầu cho bà S và ông V nhưng xin được thanh toán bằng nhiều lần vì do khó khăn. Việc vay nợ của bà S thì chồng bà L không biết; bà L vay làm ăn riêng nên tự mình trả nợ, chồng bà L không liên quan.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 20/12/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Điều Hàng Phong V trình bày:*

Vợ ông V là bà Điều Thị Thu S có cho bà Hoàng Thị Phương L vay tiền. Việc bà S cho bà L vay tiền thì ông không biết nhưng ông khẳng định số tiền mà bà S đứng ra cho bà L vay là tài sản chung của ông V và bà S nên ông yêu cầu buộc bà L phải có nghĩa vụ thanh toán tiền đã vay và lãi như yêu cầu nguyên đơn và có nghĩa vụ thanh toán cho cả hai vợ chồng ông.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Bị đơn chỉ cung cấp lời khai và chưa thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L trả cho bà S và ông V số tiền nợ gốc là 561.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng đối với số tiền 570.000.000 đồng từ ngày 19/10/2021 đến ngày 16/4/2022, lãi suất 1%/tháng đối với số tiền 561.000.000 đồng từ ngày 17/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 63.000.000 đồng do người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tự nguyện rút phần yêu cầu này tại phiên tòa. Về án phí, lệ phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tất cả các đương sự để họ có mặt đầy đủ tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền tham gia phiên tòa; bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do là từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Hàng Phong V vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đây là quyền của đương sự được quy định trong BLTT dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, việc xét xử vắng mặt những người này nhưng quá trình giải quyết vụ án đã có ý kiến của đương sự nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử mà vắng những đương sự có tên nói trên mà không ảnh hưởng quyền và lợi ích của các đương sự, phù hợp với các quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Điều Thị Thu S khởi kiện đòi số tiền vay gốc và lãi bà Hoàng Thị Phương L đã vay nợ của bà S là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; bà L có nơi cư trú tại Tổ 2, ấp 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước nên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước thụ lý, giải quyết đúng theo quy định tại các Điều 26, 35,

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Điều Thị Thu S thấy rằng:

Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Hợp đồng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản, có chữ ký, lấn tay xác nhận của các bên thể hiện ý chí của các bên, đã đảm bảo về mặt hình thức theo quy định tại các Điều 117, 385 của Bộ luật dân sự, nội dung của hợp đồng đáp ứng quy định tại Điều 398 của Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác nhận số tiền bà S cho bà L vay là tài sản chung của hai vợ chồng bà S và ông V nên yêu cầu bà L thanh toán nợ cho hai vợ chồng.

Xét nội dung hợp đồng vay tài sản:

Bà S và bà L đều thừa nhận khoản tiền bà L vay bà S 900.000.000 đồng. Hợp đồng vay tài sản ngày 19/10/2021 với số tiền 798.000.000 đồng (gồm 735.000.000 đồng tiền gốc và 63.000.000 đồng tiền lãi) là gộp 02 khoản vay theo các giấy vay tiền đề ngày 17/9/2021 và 24/9/2021 sau khi đã trừ đi số tiền 165.000.000 đồng Bà L đã chuyển khoản cho bà S ngày 29/9/2021. Hợp đồng này có thời hạn thanh toán là trong vòng 30 ngày nhưng đến hạn bà L không thanh toán cho bà S khoản vay này và lãi suất do hai bên thoả thuận là vi phạm quy định về nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên bà S khởi kiện hợp đồng vay tài sản là có căn cứ.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với số tiền 63.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là hợp pháp, được nguyên đơn đồng ý và uỷ quyền trong văn bản uỷ quyền; thể hiện sự tự nguyện của đương sự, không có sự ép buộc hay lừa dối, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận và đình chỉ nội dung này theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.1] Đối với yêu cầu trả số tiền gốc:

Tính đến thời điểm hiện tại, bà L còn nợ bà S số tiền nợ gốc là 561.000.000 đồng nên yêu cầu của bà Điều Thị Thu S, buộc bà Hoàng Thị Phụng L phải trả cho vợ chồng bà S, ông V số tiền 561.000.000 tiền gốc là phù hợp.

[3.2] Đối với yêu cầu trả lãi:

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, đối với hợp đồng vay ngày 19/10/2021, có thoả thuận về việc trả lãi và thời hạn vay, các bên đều thống nhất có thoả thuận bằng miệng về việc trả lãi và mức lãi suất (từ khi vay đến nay, bà L chưa trả được phần lãi suất nào cho bà S như thoả thuận). Căn cứ vào khoản 2 Điều 470 xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Hợp đồng thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay và thoả thuận về mức lãi suất, không có tranh chấp về lãi suất. Tuy nhiên, mức lãi suất do hai bên thoả thuận là 3.000đ/1.000.000đ/ngày là cao hơn so với mức lãi suất quy định nên cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 468, mức lãi suất tối đa đối với hợp đồng vay của các đương sự là 20%/năm, tương đương với 1,67%/tháng nên yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 19/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được tính cụ thể như sau: đối với số tiền 570.000.000 đồng từ ngày 19/10/2021 đến ngày 16/4/2022 (05 tháng 28 ngày) tương ứng với số tiền lãi là 33.820.000 đồng, đối với số tiền 561.000.000 đồng từ ngày 17/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 07/4/2023 (11 tháng 21 ngày) tương ứng với số tiền lãi là 65.637.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà L phải trả cho bà S tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 99.457.000 đồng.

Như vậy, căn cứ vào Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà L phải trả cho vợ chồng bà S, ông V số tiền 660.457.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trong đó có 561.000.000 đồng tiền gốc và 99.457.000 đồng là tiền lãi.

[4]. Về nghĩa vụ thanh toán:

Bà S, ông V, bà L đều xác định bà L là người trực tiếp vay tiền của vợ chồng bà S, ông V. Do sự việc bà L vay tiền của bà S, ông V không có sự chứng kiến của chồng bà L nên không xác định đây là khoản vay chung của hai vợ chồng, cũng như bà S và ông V xác định bà L là người phải có nghĩa vụ trả nợ nên tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm là yêu cầu bà L là người trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Phía bà Hoàng Thị Phụng L cho rằng đã chuyển trả cho bà S 04 lần. Tuy nhiên, quá trình làm việc, các bên chỉ thống nhất về việc bà L trả cho bà S 03 lần tiền gốc. Đối với số tiền mặt 15.000.000 đồng bà L khai đã trả bà S ngày 07/10/2021 không có chứng cứ chứng minh, đồng thời bà S cũng khẳng định không nhận được số tiền này nên không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện bà S được chấp nhận.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 217 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điều Thị Thu S, buộc bà Hoàng Thị Phụng L phải trả cho bà Điều Thị Thu S và ông Điều Hàng Phong V số tiền 660.457.000 (Sáu trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn) đồng, trong đó

có 561.000.000 (Năm trăm sáu mươi một triệu) đồng tiền gốc và 99.457.000 (Chín mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn) đồng tiền lãi.

Đình chỉ đối với phần yêu cầu 63.000.000 (Sáu mươi ba triệu) đồng do đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Hoàng Thị Phụng L phải chịu số tiền là 30.418.280 (Ba mươi triệu, bốn trăm mười tám nghìn, hai trăm tám mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho bà Điều Thị Thu S số tiền 15.603.000đ (mười lăm triệu, sáu trăm linh ba nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0014141 ngày 03/10/2022.

3. Quyền kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học